TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 686/2023/HNGĐ-ST Ngày: 19-5-2023 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ;
2. Ông Lê Văn Khanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lê Xuân Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1858/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh C, sinh năm: 19xx

Thường trú: thôn M, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tạm trú: đường M, khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Thị H. Sinh năm: 19xx

Thường trú: thôn M, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tạm trú: đường M, khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ông và bà H sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1993 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 21/10/1993 của Ủy ban nhân dân xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường cãi vã, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp nhau, không đồng quan điểm sống. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có hai con chung tên Huỳnh Thị L sinh ngày x/y/z hiện đã trưởng thành, Huỳnh Thị Mỹ T sinh ngày x/y/z, ông C yêu cầu nuôi trẻ T, không yêu cầu cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Không có;

Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày*:* Bà xác nhận những lời khai của ông C về kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay ông C yêu cầu ly hôn bà không đồng ý, vì bà còn thương chồng.

- Về con chung: Có hai con chung tên Huỳnh Thị L sinh ngày x/y/z hiện đã trưởng thành, Huỳnh Thị Mỹ T sinh ngày x/y/z, bà yêu cầu nuôi trẻ T. Bà không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

-Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tống đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng và đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa ông Huỳnh C và bà Đặng Thị H là tranh chấp ly hôn. Xét bị đơn có nơi cư trú tại đường M, khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của

Công an phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà H có đăng ký tạm trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về thủ tục xét xử vắng mặt: Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/4/2023 và 08 giờ 30 phút ngày 19/5/2023, bà Đặng Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do. Ngày 24/3/2023, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ông Huỳnh C và bà Đặng Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1993 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 21/10/1993 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông C trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên không thể tiếp tục chung sống, nguyên nhân phát sinh từ việc không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cãi nhau, không đồng quan điểm sống. Vợ chồng không hàn gắn được. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị H.

Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày tại phiên hòa giải ngày 13/12/2023 xác nhận vợ chồng thường xuyên cãi vả, không hợp nhau về tính tình đúng như ông C trình bày. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương chồng.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của vợ chồng ông C bà H không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Tòa án đã hòa giải và cho thời gian để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng tuy nhiên không hàn gắn được. Bà H tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng không có hướng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông C bà H đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

Về con chung: Có hai con chung tên Huỳnh Thị L sinh ngày x/y/z hiện đã trưởng thành, Huỳnh Thị Mỹ T sinh ngày x/y/z. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Huỳnh Thị Mỹ T của ông C và bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và ra thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh khả năng nuôi con chung. Tuy nhiên bà H không cung cấp được chứng cứ cũng như vắng mặt tại phiên hòa giải. Ông Huỳnh C cho biết hiện ông đang là chủ hộ kinh doanh Huỳnh C, có đăng ký kinh doanh ngày 26/12/2019. Ông có đủ thu nhập để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, xét nguyện vọng của trẻ T mong muốn được ở với ba để ba trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của trẻ và để hạn chế được phần nào về sự ảnh hưởng tiêu cực về tâm sinh lý của trẻ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật

Hôn nhân và Gia đình, xét thấy việc giao trẻ Huỳnh Thị Mỹ T sinh ngày x/y/z cho ông Huỳnh C trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông C, bà H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Ông C, bà H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Ông Huỳnh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0010144 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh C được ly hôn với bà Đặng Thị H. Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 21/10/1993 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Có hai con chung tên Huỳnh Thị L sinh ngày x/y/z hiện đã trưởng thành, Huỳnh Thị Mỹ T sinh ngày x/y/z. Giao trẻ Huỳnh Thị Mỹ T sinh ngày x/y/z cho ông Huỳnh C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đặng Thị H không cấp dưỡng nuôi con vì ông Huỳnh C không yêu cầu.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung: Ông C, bà H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông C, bà H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Ông Huỳnh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0010144 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-Viện kiểm sát cùng cấp;
-Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phi Yến